TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/DS-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuý Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 559/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:11/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982
Địa chỉ: xã B (địa chỉ cũ thuộc xã T, huyện B), Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1969
Địa chỉ: Xã B (địa chỉ cũ thuộc xã B, huyện B), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 ,các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ngày 27/8/2023, bà H có vay của ông V số tiền 85.000.000 đồng, hai bên có giao kết và ký hợp đồng vay cùng ngày, thời hạn vay từ ngày 27/8/2023 đến khi ngừng trả lãi thì ông V sẽ thu hồi tiền vay và tiền lãi phát sinh, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, hai bên giao kết bà H phải trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 27 dương

lịch. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, bà H đã không trả bất kỳ khoảng tiền lãi nào. Do bà H vi phạm thoả thuận. Ông V đã liên hệ bà H yêu cầu trả nợ lãi và gốc nhưng bà H không trả. Vì vậy, ông Nguyên Thanh V khởi kiện và yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc Bà Nguyễn Minh H trả lại số tiền gốc lại cho Ông Nguyễn Thanh V là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Về phía bị đơn bà Nguyễn Minh H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà H thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bà H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V. Buộc bà Nguyễn Minh H phải trả cho ông Nguyễn Thanh V số nợ gốc là 85.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Minh H. Bà Nguyễn Minh H cư trú tại xã B(địa chỉ cũ thuộc xã B, huyện B), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn bà Nguyễn Minh H, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đương sự. Tuy nhiên, bà Nguyễn Minh H đã không đến Tòa án theo Giấy triệu tập. Do đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bà H. Theo kết quả xác minh nơi cư trú đương sự của Công an xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì đương sự Nguyễn Minh H, sinh năm 1969 có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Minh H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Nguyễn Minh H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn nhưng bà H không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Căn cứ "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023 giữa ông Nguyễn Thanh V (bên A) và bà Nguyễn Minh H (bên B) thể hiện ông V có cho bà H vay số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng), không kỳ hạn, lãi suất 3%/tháng, thanh toán tiền lãi hàng tháng vào ngày 27 dương lịch hàng tháng, nếu bên B ngừng thanh toán tiền lãi mà không có sự đồng ý của bên A thì bên A có quyền khởi kiện để thu hồi tiền gốc và lãi.

[4.2.2] Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi; việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự

tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023 có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nguyên đơn và bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ này. Nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023 là có thật và được cả hai bên thừa nhận.

[4.2.3] Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng …".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.."

Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "Đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào.."

Đến nay bị đơn bà Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn, bị đơn là bên có lỗi. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Minh H phải trả số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Minh H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V số tiền là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023 ký kết giữa ông Nguyễn Thanh V với bà Nguyễn Minh H.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Minh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Minh H:

Buộc Bà Nguyễn Minh H trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 27/8/2023 ký kết giữa ông Nguyễn Thanh V với bà Nguyễn Minh H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24P số: 0051818 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Minh Hvắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự Tp.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000017 247205

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Toàn